

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết;

Ông Ngô Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số 67/TB-TA ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Bé H, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bưng Lớn B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bưng Lớn B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của anh Nguyễn Văn Bé H và chị Đinh Thị L là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/10/2012. Địa chỉ: Ấp Bưng Lớn B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Bé H trình bày:* Do mai mối nên anh với chị L chung sống với nhau vào năm 2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè vào ngày 19/8/2011. Sau khi kết hôn thì anh và chị L chung sống chung nhà với mẹ ruột của anh. Quá trình chung sống anh và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 24/9/2018

hiện nay 02 con chung do chị L đang nuôi dưỡng tại nhà mẹ ruột của anh. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh yêu cầu được ly hôn với chị L là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, hôn nhân trầm trọng không thể kéo dài. Ngoài ra anh còn nghi ngờ chị L có quen người khác nhưng anh không có bằng chứng và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh việc này. Vào khoảng năm 2020 anh bắt gặp vợ anh có nhắn tin với người tên T (họ là P nhưng không biết chữ lót là gì) ở gần nhà anh, anh mới giật điện thoại lại nhưng chị L giành lấy lại và chạy vào nhà tắm, anh mới chạy theo và chị L đóng cửa nhà tắm lại làm bề kiến cửa và làm anh bị đứt cổ tay phải. Theo anh mâu thuẫn giữa anh với chị L thì chỉ có mẹ anh biết vì vợ chồng ở chung nhà với mẹ anh. Anh và chị L không còn chung sống với nhau nữa mà đã sống ly thân khoảng 01 năm nay, anh đi làm thuê tại Vũng Tàu còn vợ anh thì ở nhà nuôi 02 con chung tại nhà mẹ ruột anh. Nay anh yêu cầu như sau:

Về hôn nhân anh yêu cầu được ly hôn với chị L. Về con chung: Trước đây trong đơn khởi kiện anh yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 24/9/2018 nhưng nay anh thay đổi yêu cầu là thống nhất giao 02 con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng mà anh không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Chị Đinh Thị L là bị đơn trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về thời điểm chung sống, có đăng ký kết hôn, về con chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo chị thì giữa chị và anh H không có mâu thuẫn gì hết mà chỉ cãi vặt chuyện nhà thôi chứ không có gì lớn. Theo chị biết là do anh H đang quen người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với chị nhưng chị không có chứng cứ gì cho việc này. Chị với anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay do anh H đi làm thuê không có ở nhà. Trong khoảng thời gian sống ly thân thì chị thường xuyên liên lạc với anh H qua điện thoại nhưng anh H không trả lời. Theo chị việc chị và anh H cãi vặt chuyện nhà thì chỉ có cha mẹ chồng chị biết vì vợ chồng chị ở chung nhà với cha mẹ chồng chị. Nay chị không đồng ý ly hôn với anh H do vợ chồng không có mâu thuẫn gì mà xin được đoàn tụ lại do chị còn thương chồng và mong muốn cho các con có đủ cha và mẹ. Nếu phải ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 24/9/2018 mà không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Cháu Nguyễn Ngọc D có lời khai như sau:* Cháu là con chung của anh H và chị L. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và yêu cầu triệu tập thêm ai.

Ý kiến tranh luận của anh H: Không có.

Ý kiến tranh luận của chị L: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh H. Do không chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh H nên đề nghị không giải quyết về việc nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung. Buộc anh H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh H. Lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là chị L có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, anh H và chị L chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Bút lục 04) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, hôn nhân là công cụ bảo vệ và nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, bảo vệ mối quan hệ hôn nhân gia đình chính là góp phần làm phát triển xã hội. Do đó, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

[4] Xét mâu thuẫn giữa anh H và chị L: Anh H cho rằng hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc, hôn nhân trầm trọng không thể kéo dài. Ngoài ra anh còn nghi ngờ chị L có quen người đàn ông khác. Chị L cho rằng giữa chị và anh H không có mâu thuẫn gì hết mà chỉ cãi vặt chuyện nhà thôi chứ không có gì lớn. Theo chị biết là do anh H đang quen người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với chị nhưng chị không có chứng cứ gì cho việc này. Vấn đề này thấy rằng, từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay, anh H không tìm giải pháp để xây dựng gia đình hạnh phúc mà

cương quyết ly hôn với chị L nhưng anh không chứng minh được mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo yêu cầu của Tòa án (Bút lục số 15, 24). Ngược lại chị L tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn, chị mong muốn vợ chồng hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc và lo nuôi dạy con chung. Hơn nữa, nếu anh H và chị L ly hôn thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và việc học hành của các con của anh chị. Đồng thời, qua xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi anh H và chị L chung sống (những người này đa số là người thân của anh H trong đó có mẹ ruột, cô ruột và dì ruột của anh H, bút lục số 26-29) đều khẳng định giữa anh H và chị L không có mâu thuẫn gì lớn mà có đôi lúc hay cãi vặt thôi sau đó thì hòa thuận lại. Từ trước đến nay, không nghe dư luận gì về việc họ có cự cãi dẫn đến chính quyền địa phương phải làm việc. Ngoài ra họ cho rằng trong thời gian anh H đi làm thuê có quen người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với chị L.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các điều 53, 54 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L là chưa có đủ căn cứ để chấp nhận.

[5] Do chưa có căn cứ cho anh H và chị L ly hôn nên về con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28; 35; 39; 147; 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Bé H về việc yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị L.

Do yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Bé H với chị Đinh Thị L không được chấp nhận nên về con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Bé H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng này được khấu trừ vào số tiền anh Nguyễn Văn Bé H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

0009196 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Anh Nguyễn Văn Bé H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Bé H và chị Đinh Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự
- UBND xã T, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chí Điền